

Số: 77/2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2019

THÔNG TƯ

**Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương
đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ**

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ tại Công văn số 6354/BNV-CCVC ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Công văn số 1861/BNV-CCVC ngày 26 tháng 4 năm 2019;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công chức làm công tác kế toán tại các cơ quan, tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.
2. Công chức làm công tác thuế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính.
3. Công chức làm công tác hải quan tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính.
4. Công chức làm công tác dự trữ quốc gia tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Bộ Tài chính.

Điều 3. Các chức danh và mã số ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ

1. Chức danh và mã số ngạch công chức chuyên ngành kế toán, bao gồm:

a) Kế toán viên cao cấp	Mã số ngạch:	06.029
b) Kế toán viên chính	Mã số ngạch:	06.030
c) Kế toán viên	Mã số ngạch:	06.031
d) Kế toán viên trung cấp	Mã số ngạch:	06.032

2. Chức danh và mã số ngạch công chức chuyên ngành thuế, bao gồm:

a) Kiểm tra viên cao cấp thuế	Mã số ngạch:	06.036
b) Kiểm tra viên chính thuế	Mã số ngạch:	06.037
c) Kiểm tra viên thuế	Mã số ngạch:	06.038
d) Kiểm tra viên trung cấp thuế	Mã số ngạch:	06.039
đ) Nhân viên thuế	Mã số ngạch:	06.040

3. Chức danh và mã số ngạch công chức chuyên ngành hải quan, bao gồm:

a) Kiểm tra viên cao cấp hải quan	Mã số ngạch:	08.049
b) Kiểm tra viên chính hải quan	Mã số ngạch:	08.050
c) Kiểm tra viên hải quan	Mã số ngạch:	08.051
d) Kiểm tra viên trung cấp hải quan	Mã số ngạch:	08.052
đ) Nhân viên hải quan	Mã số ngạch:	08.053

4. Chức danh và mã số ngạch công chức chuyên ngành dự trữ quốc gia, bao gồm:

a) Kỹ thuật viên bảo quản chính	Mã số ngạch:	19.220
b) Kỹ thuật viên bảo quản	Mã số ngạch:	19.221
c) Kỹ thuật viên bảo quản trung cấp	Mã số ngạch:	19.222
d) Thủ kho bảo quản	Mã số ngạch:	19.223
đ) Nhân viên bảo vệ kho dự trữ	Mã số ngạch:	19.224

Điều 4. Tiêu chuẩn chung về phẩm chất

1. Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng; trung thành với Tổ quốc, Đảng và Nhà nước; bảo vệ lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân.
2. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công chức theo quy định của pháp luật; nghiêm túc chấp hành sự phân công nhiệm vụ của cấp trên; tuân thủ pháp luật, kỷ luật, kỷ cương, trật tự hành chính; gương mẫu thực hiện nội quy, quy chế của cơ quan.
3. Tận tụy, trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, khách quan, công tâm; có thái độ đúng mực và xử sự văn hóa trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; không gây khó khăn, phiền hà, tiêu cực, tham nhũng, tham ô, lãng phí.
4. Thường xuyên có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

Chương II

CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ VÀ TIÊU CHUẨN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CÁC NGÁCH CÔNG CHỨC CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN

Điều 5. Kế toán viên cao cấp (mã số 06.029)

1. Chức trách

Kế toán viên cao cấp là công chức chuyên môn nghiệp vụ cao nhất trong lĩnh vực kế toán, bố trí đối với các chức danh lãnh đạo cấp Vụ, Cục và tương đương tại các Bộ, ngành ở Trung ương, thực hiện chức năng quản lý về công tác kế toán, giúp lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ chỉ đạo, điều hành và quản lý tổ chức thực hiện hệ thống nghiệp vụ kế toán.

2. Nhiệm vụ

- a) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về tài chính, kế toán; các đề án chiến lược phát triển công tác kế toán đối với ngành, lĩnh vực;
- b) Chủ trì tổ chức việc phối hợp nghiệp vụ của lĩnh vực liên quan giữa các cấp quản lý cùng lĩnh vực của các ngành đảm bảo tính thống nhất đồng bộ trong toàn quốc;
- c) Chủ trì xây dựng tài liệu, giáo trình và hướng dẫn đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức làm công tác kế toán;
- d) Chủ trì tổ chức, chỉ đạo, thực hiện công tác kế toán, kiểm tra nghiệp vụ kế toán;
- đ) Chủ trì tổ chức tổng hợp, đánh giá, phân tích tài chính, rút kinh nghiệm và đề xuất phương án điều chỉnh, sửa đổi hoặc bổ sung về quy trình nghiệp vụ; sửa đổi, bổ sung các quy định về kế toán hiện hành nhằm tổ chức quản lý chặt chẽ có hiệu lực và hiệu quả hơn.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- a) Nắm vững chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nắm vững quản lý hành chính, cải cách hành chính và chiến lược phát

triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, của ngành, lĩnh vực; công tác tổ chức bộ máy của đơn vị và các quy định của pháp luật về kế toán;

b) Hiểu rõ và tuân thủ Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, các chế độ tài chính kế toán của nhà nước, luật pháp quốc tế liên quan đến công tác kế toán của ngành, lĩnh vực và các chế độ kế toán cụ thể áp dụng trong các ngành, lĩnh vực;

c) Có năng lực đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách, chủ trì xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, đề án liên quan đến công tác kế toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

d) Có chuyên môn sâu, rộng về lý luận và thực tiễn về nghiệp vụ kế toán, phương pháp và xu hướng phát triển của công tác kế toán, kiểm toán trong nước và quốc tế;

đ) Có năng lực nghiên cứu khoa học và tổ chức chỉ đạo ứng dụng tiến bộ kỹ thuật hiện đại để cải tiến hệ thống quản lý nghiệp vụ kế toán.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

b) Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc cử nhân chính trị hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận tương đương cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền;

c) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kế toán viên cao cấp;

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

đ) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

5. Đối với công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên cao cấp thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3, 4 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trong thời gian giữ ngạch kế toán viên chính hoặc tương đương đã chủ trì xây dựng ít nhất 02 (hai) văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh trong lĩnh vực tài chính, kế toán đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu, cụ thể như sau:

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mà theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không bắt buộc phải thành lập Ban soạn thảo thì phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng của người có thẩm quyền.

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt.

b) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác kế toán. Công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên cao cấp phải đang giữ ngạch kế toán viên chính và có thời gian giữ ngạch kế toán viên chính hoặc tương đương từ đủ 6 năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kế toán viên chính tối thiểu 1 năm (đủ 12 tháng).

Điều 6. Kế toán viên chính (mã số 06.030)

1. Chức trách

Kế toán viên chính là công chức chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ quan, tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ cấp huyện trở lên, thực hiện chức năng quản lý về công tác kế toán, giúp lãnh đạo đơn vị chỉ đạo, điều hành và quản lý nghiệp vụ kế toán ở đơn vị hoặc tổ chức thực hiện công tác kế toán tại đơn vị.

2. Nhiệm vụ

a) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về kế toán; xét duyệt hệ thống kế toán và chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị, ngành hoặc lĩnh vực kế toán nhà nước;

b) Tổ chức tổng hợp, đánh giá, phân tích tài chính, rút kinh nghiệm và đề xuất phương án điều chỉnh, sửa đổi hoặc bổ sung về quy trình nghiệp vụ, chế độ kế toán áp dụng, tổng hợp báo cáo lên cấp trên;

c) Tổ chức, chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, kiểm tra công tác kế toán và đề xuất các biện pháp chỉ đạo, chấn chỉnh, nhằm đảm bảo việc quản lý thống nhất công tác kế toán của đơn vị, ngành, lĩnh vực;

d) Nghiên cứu, hướng dẫn thực hiện công tác kế toán phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế và yêu cầu quản lý của địa phương, đơn vị, ngành, lĩnh vực;

đ) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng tài liệu, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kế toán viên.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nắm vững quản lý hành chính, cải cách hành chính và phương hướng chủ trương, chính sách của ngành, của đơn vị về lĩnh vực nghiệp vụ kế toán; công tác kế toán của đơn vị và các quy định của pháp luật về kế toán;

b) Hiểu rõ và tuân thủ Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, các quy định của pháp luật khác về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê và thông tin kinh tế có liên quan;

c) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng hoàn thiện thể chế; chủ trì hoặc tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện trong lĩnh vực kế toán; các chế độ kế toán áp dụng trong ngành, lĩnh vực kế toán nhà nước;

d) Nắm vững hệ thống kế toán ngành, lĩnh vực khác; quy trình tổ chức công tác kế toán; có khả năng quản lý và tổ chức điều hành tốt công tác kế toán ở đơn vị, ngành, lĩnh vực; nắm được những vấn đề cơ bản về khoa học quản lý, am hiểu thực tiễn sản xuất, dịch vụ, kinh doanh, tình hình kinh tế - xã hội, hoạt động quản lý đối với lĩnh vực kế toán, kiểm toán;

đ) Tổ chức triển khai các quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ, phương pháp quản lý và điều hành đối với nhiệm vụ kế toán trong đơn vị, ngành, lĩnh vực.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

b) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kế toán viên chính;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

5. Đối với công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên chính thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3, 4 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trong thời gian giữ ngạch kế toán viên hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện trong lĩnh vực tài chính, kế toán; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu, cụ thể như sau:

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản mà theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không bắt buộc phải thành lập Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập thì phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia xây dựng của người có thẩm quyền.

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo hoặc Tổ giúp việc, Tổ biên tập, Tổ biên soạn đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt.

b) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác kế toán. Công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên chính phải đang giữ ngạch kế toán viên và có thời gian giữ ngạch kế toán

viên hoặc tương đương từ đủ 9 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kế toán viên tối thiểu 1 năm (đủ 12 tháng).

Điều 7. Kế toán viên (mã số 06.031)

1. Chức trách

Kế toán viên là công chức chuyên môn nghiệp vụ làm việc tại các cơ quan, tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, thực hiện các công việc của một hoặc nhiều phân hành kế toán hoặc tổ chức thực hiện công tác kế toán ở đơn vị.

2. Nhiệm vụ

a) Ghi chép, tính toán, tổng hợp và phân tích số liệu kế toán phục vụ cho các phân hành, phần việc phụ trách, cho công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành tại đơn vị;

b) Tổ chức thực hiện công tác kế toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán, cung cấp thông tin thuộc phần hành, phần việc được phân công hoặc phụ trách;

c) Triển khai thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán theo quy định;

d) Tổ chức phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng tài sản, kinh phí thuộc phần hành, phần việc phụ trách và đề xuất biện pháp quản lý, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn vốn hoặc kinh phí;

đ) Tham gia nghiên cứu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về kế toán; các văn bản pháp luật hướng dẫn về chế độ nghiệp vụ kế toán.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững và tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê, các chuẩn mực kế toán và thông tin kinh tế có liên quan;

b) Nắm được các quy định cụ thể về hình thức và phương pháp kế toán; các chế độ kế toán áp dụng trong ngành, lĩnh vực kế toán nhà nước;

c) Biết phương pháp nghiên cứu, đề xuất triển khai hoặc bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, tổng kết cải tiến nghiệp vụ quản lý, nắm được xu thế phát triển nghiệp vụ trong nước và quốc tế;

d) Biết tổ chức triển khai các hoạt động về quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ, phương pháp quản lý và điều hành đối với nhiệm vụ kế toán trong đơn vị;

đ) Có khả năng tiếp thu, nắm bắt và kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật hiện đại để trao đổi và sử dụng các tài liệu kế toán, thông tin kế toán, phần mềm kế toán, chứng từ điện tử và giao dịch điện tử.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

b) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kế toán viên;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

5. Công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên phải đang giữ ngạch kế toán viên trung cấp và có thời gian giữ ngạch kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 3 năm (đủ 36 tháng) trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kế toán viên trung cấp tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng), trừ trường hợp quy định tại điểm khoản 2 Điều 24 Thông tư này.

Trường hợp công chức đang giữ ngạch kiểm ngân viên (07.047), thủ quỹ kho bạc, ngân hàng (06.034), thủ quỹ cơ quan, đơn vị (06.035) thì thời gian giữ ngạch kiểm ngân viên; thủ quỹ kho bạc, ngân hàng; thủ quỹ cơ quan, đơn vị hoặc tương đương phải từ đủ 5 năm (đủ 60 tháng) trở lên.

Điều 8. Kế toán viên trung cấp (mã số 06.032)

1. Chức trách

Kế toán viên trung cấp là công chức chuyên môn nghiệp vụ làm việc tại các đơn vị kế toán cấp cơ sở trong các cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, thực hiện các công việc kế toán ở đơn vị có khối lượng kế toán không lớn hoặc một phần hành kế toán ở đơn vị kế toán.

2. Nhiệm vụ

a) Thu thập, kiểm tra, xử lý chứng từ, phân loại chứng từ và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thuộc phần hành kế toán được phân công phụ trách;

b) Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ kế toán thuộc phần hành, phần việc được phân công phụ trách;

c) Lập báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị và báo cáo khác hàng ngày hoặc định kỳ theo sự phân công từng phần việc kế toán, chịu trách nhiệm về sự chính xác, trung thực của các số liệu báo cáo;

d) Chuẩn bị các số liệu phục vụ kiểm kê, tham gia kiểm kê tài sản, hướng dẫn việc ghi chép các biểu mẫu kiểm kê và tính toán xác định kết quả kiểm kê tài sản thuộc phạm vi phụ trách;

đ) Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng tài sản, kinh phí thuộc phần hành, phần việc phụ trách.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được các chế độ, quy định kế toán ngành, lĩnh vực; các quy định cụ thể về hình thức và phương pháp kế toán áp dụng trong đơn vị, trong ngành;

b) Hiểu rõ và tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê, các chuẩn mực kế toán và thông tin kinh tế có liên quan;

c) Nắm được những nguyên tắc cơ bản về quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ trong đơn vị;

d) Có khả năng tiếp thu, nắm bắt các kỹ năng cần thiết như kỹ năng sử dụng máy tính, các công cụ hỗ trợ, phần mềm kế toán, chứng từ điện tử; có khả năng tham gia triển khai theo đúng chỉ đạo của cấp trên.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

b) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kế toán viên trung cấp;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

Chương III

CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ VÀ TIÊU CHUẨN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC CHUYÊN NGÀNH THUẾ

Điều 9. Kiểm tra viên cao cấp thuế (mã số 06.036)

1. Chức trách

Kiểm tra viên cao cấp thuế là công chức chuyên môn có yêu cầu nghiệp vụ cao nhất trong lĩnh vực thuế, bố trí đối với các chức danh lãnh đạo cấp Tổng cục, lãnh đạo Vụ, Cục và tương đương, lãnh đạo Cục thuế tỉnh, thành phố có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước về thuế tại Tổng cục Thuế và Cục thuế tỉnh, thành phố và thực hiện các phần hành nghiệp vụ thuế ở mức độ phức tạp cao, tiến hành trong phạm vi nhiều tỉnh hoặc toàn quốc.

2. Nhiệm vụ

a) Chủ trì nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển ngành; nghiên cứu đề xuất chủ trương chính sách và biện pháp quản lý thuế phù hợp với chiến lược phát triển ngành và chiến lược phát triển kinh tế địa phương;

b) Đề xuất các chủ trương hoạch định chính sách thuế, giải pháp quản lý thu để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các khoản thu nội địa trong phạm vi, trên địa bàn quản lý;

c) Chủ trì nghiên cứu, tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về thuế; quy trình, quy chế nghiệp vụ quản lý thuế;

d) Chủ trì đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các chế độ, chính sách, các quy định trong từng lĩnh vực quản lý thuế.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối chiến lược, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác thuế, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế của quốc gia, của địa phương nơi công tác; Nắm vững chiến lược phát triển ngành Tài chính, chiến lược cải cách hành chính và hiện đại hóa của ngành;

b) Hiểu biết sâu sắc về luật Quản lý thuế, pháp luật thuế, pháp luật về tài chính, kế toán và các luật pháp về hành chính có liên quan đến nhiệm vụ, chức năng quản lý thuế;

c) Có năng lực đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách, chủ trì xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, đề án trong lĩnh vực thuế; có năng lực nghiên cứu khoa học và tổ chức chỉ đạo ứng dụng tiến bộ kỹ thuật hiện đại để cải tiến hệ thống quản lý nghiệp vụ thuế;

d) Có năng lực tổng hợp, phân tích, tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn quản lý thuế; có khả năng dự báo về tình hình nguồn thu từ thuế và nguồn thu khác thuộc đối tượng được phân công quản lý;

đ) Có kỹ năng thu nhận thông tin và xử lý những thông tin nhạy cảm; kỹ năng phân tích tài chính đối với các công ty lớn và phức tạp; kỹ năng quản lý và xử lý sự xung đột; có kỹ năng soạn thảo văn bản; kỹ năng lập báo cáo, tổng kết đánh giá công việc và kỹ năng dự báo về công việc thuộc lĩnh vực quản lý.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc cử nhân chính trị hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận tương đương cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền;

c) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kiểm tra viên cao cấp thuế;

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

đ) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

5. Đối với công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp thuế thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3, 4 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trong thời gian giữ ngạch kiểm tra viên chính thuế hoặc tương đương đã chủ trì xây dựng ít nhất 02 (hai) văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh trong lĩnh vực tài chính, thuế; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu, cụ thể như sau:

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản mà theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không bắt buộc phải thành lập Ban soạn thảo thì phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng của người có thẩm quyền.

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh mà cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt.

b) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác thuế. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp thuế phải đang giữ ngạch kiểm tra viên chính thuế và có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên chính thuế hoặc tương đương từ đủ 6 năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kiểm tra viên chính thuế tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng).

Điều 10. Kiểm tra viên chính thuế (mã số 06.037)

1. Chức trách

Kiểm tra viên chính thuế là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành thuế, giúp lãnh đạo chủ trì, tổ chức thực hiện quản lý thuế hoặc trực tiếp thực hiện các phân hành của nghiệp vụ thuế theo chức năng được phân công tại các đơn vị trong ngành thuế.

2. Nhiệm vụ

a) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng kế hoạch thu thuế, thu nợ thuế, cưỡng chế thuế và thu khác theo chức năng phân hành công việc; tổ chức thực hiện quy trình quản lý thu; trực tiếp xử lý đối với các trường hợp có tình tiết phức tạp;

b) Tổng hợp, đánh giá công tác quản lý thu; tham gia xây dựng quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ và các văn bản, quy định liên quan; đề xuất sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý, quy trình thu phù hợp với tình hình thực tế;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình nghiệp vụ quản lý thuế, tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức, viên chức thuế;

d) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng đề tài, đề án, dự án được ứng dụng vào công tác của ngành; chủ trì hoặc tham gia tổ chức nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực quản lý thuế;

đ) Tham gia tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo thẩm quyền và quy định hiện hành.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ

a) Hiểu biết sâu sắc luật Quản lý thuế và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến công tác quản lý thuế; nắm vững những vấn đề cơ bản về kế toán doanh nghiệp, kế toán thuế, phân tích tài chính doanh nghiệp và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của đối tượng nộp thuế;

b) Am hiểu chính sách chế độ, tình hình kinh tế, xã hội trong nước, quốc tế và tại địa phương đang công tác; am hiểu những thông tin liên quan đến quản lý thuế của các nước trong khu vực và trên thế giới;

c) Có chuyên môn sâu về lý luận và thực tiễn nghiệp vụ thuế, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đạt hiệu quả cao; có kỹ năng soạn thảo văn bản hướng dẫn nghiệp vụ thuế;

d) Có kỹ năng thu thập thông tin và xử lý thông tin theo công việc quản lý; có khả năng quản lý và tổ chức điều hành tốt công tác quản lý thuế ở đơn vị, ngành, lĩnh vực;

đ) Tổ chức hướng dẫn, thực hiện chế độ, chính sách, các quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kiểm tra viên chính thuế;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

5. Đối với công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên chính thuế thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3, 4 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trong thời gian giữ ngạch kiểm tra viên thuế hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh,

cấp huyện trong lĩnh vực tài chính, thuế; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu, cụ thể như sau:

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập văn bản quy phạm pháp luật và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản mà theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không bắt buộc phải thành lập Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập thì phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia xây dựng của người có thẩm quyền.

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo hoặc Tổ giúp việc, Tổ biên tập, Tổ biên soạn đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt.

b) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác thuế. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên chính thuế phải đang giữ ngạch kiểm tra viên thuế và có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên thuế hoặc tương đương từ đủ 9 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kiểm tra viên thuế tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng).

Điều 11. Kiểm tra viên thuế (mã số 06.038)

1. Chức trách

Kiểm tra viên thuế là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành thuế; trực tiếp thực hiện phần hành công việc của nghiệp vụ quản lý thuế.

2. Nhiệm vụ

a) Tham gia xây dựng các quy định cụ thể để triển khai nhiệm vụ quản lý thu; xây dựng kế hoạch thu thuế và thu khác, thu nợ thuế, cưỡng chế thuế và kế hoạch công tác tháng, quý, năm theo nhiệm vụ được giao;

b) Tổ chức thực hiện:

- Hướng dẫn và tiếp nhận các thủ tục đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt, hoàn thuế;

- Theo dõi, đôn đốc đối tượng nộp thuế, nộp đầy đủ kịp thời số thuế và số thu khác vào Kho bạc Nhà nước;

- Tham gia quản lý thông tin người nộp thuế theo nhiệm vụ được giao;

- Nắm rõ tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ, ý thức chấp hành pháp luật thuế của đối tượng nộp thuế theo phạm vi quản lý để có biện pháp quản lý đạt hiệu quả cao;

- Phân tích đánh giá tình hình tài chính, lãi lỗ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của đối tượng nộp thuế, đề xuất biện pháp quản lý và xử lý kịp thời các khoản nợ thuế;

- Đề xuất và cụ thể hóa các chính sách, pháp luật thuế cho phù hợp với tình hình quản lý của ngành và địa phương;

c) Phối hợp với các bộ phận có liên quan trong và ngoài đơn vị để thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế thuộc phạm vi quản lý;

d) Thực hiện kiểm tra công việc thuộc phần hành quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật;

đ) Chấp hành sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ của công chức chuyên môn ở ngạch trên và hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức chuyên môn ở ngạch dưới;

e) Quản lý hồ sơ tài liệu theo quy định của Nhà nước.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững các quy định của pháp luật, chế độ chính sách liên quan đến lĩnh vực thuế và quy trình nghiệp vụ quản lý có liên quan đến phần công việc được giao;

b) Nắm được những vấn đề cơ bản về chiến lược phát triển, chương trình cải cách hành chính của Chính phủ và ngành Thuế, các chính sách kinh tế tài chính liên quan;

c) Nắm rõ quy trình xây dựng các phương án, kế hoạch, các quyết định cụ thể và có kiến thức am hiểu trong lĩnh vực được giao; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao nghiên cứu, tham mưu; sử dụng thành thạo máy vi tính, phần mềm quản lý thuế và các công cụ hỗ trợ khác;

d) Nắm vững những vấn đề cơ bản về kế toán doanh nghiệp, kế toán thuế, phân tích tài chính doanh nghiệp và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của đối tượng nộp thuế để nâng cao hiệu quả quản lý thuế;

đ) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kiến thức chuyên sâu, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đạt hiệu quả cao; có kỹ năng xây dựng kế hoạch công tác và tổ chức thực hiện công việc thuộc phần hành được giao; kỹ năng soạn thảo văn bản nghiệp vụ về thuế; kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và kiểm tra công việc được giao và kỹ năng đọc, phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kiểm tra viên thuế;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày

11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

5. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên thuế đang giữ ngạch kiểm tra viên trung cấp thuế thì phải có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên trung cấp thuế hoặc tương đương tối thiểu là 3 năm (đủ 36 tháng), trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kiểm tra viên trung cấp thuế tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng). Trường hợp đang giữ ngạch nhân viên thuế thì phải có thời gian giữ ngạch nhân viên thuế hoặc tương đương tối thiểu là 5 năm (đủ 60 tháng).

Điều 12. Kiểm tra viên trung cấp thuế (mã số 06.039)

1. Chức trách

Kiểm tra viên trung cấp thuế là công chức chuyên môn nghiệp vụ ngành thuế; trực tiếp thực hiện một phần hành nghiệp vụ trong công tác quản lý thuế tại đơn vị.

2. Nhiệm vụ

a) Tham gia xây dựng kế hoạch công việc tháng, quý, năm, kế hoạch thu thuế và thu khác với đối tượng nộp thuế theo phạm vi quản lý;

b) Tổ chức thực hiện:

- Hướng dẫn các thủ tục đăng ký thuế, cấp mã số thuế, khai thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt, hoàn thuế;

- Tiếp nhận tờ khai nộp thuế, kiểm tra căn cứ tính thuế, đối chiếu so sánh để có nhận xét chính thức vào tờ khai của đối tượng nộp thuế theo lĩnh vực quản lý;

- Tính thuế phải nộp, lập bộ sổ thuế, phát hành thông báo nộp thuế, lệnh thu thuế và thu khác. Theo dõi đơn đốc đối tượng nộp thuế nộp đúng, nộp đủ kịp thời tiền thuế vào Kho bạc Nhà nước;

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và những biến động về giá cả và tiêu thụ sản phẩm của đối tượng nộp thuế thuộc phạm vi quản lý có liên quan đến việc khai thuế, nộp thuế, nợ đọng tiền thuế;

- Quản lý thông tin của người nộp thuế để sử dụng vào công việc hoặc cung cấp cho đồng nghiệp khi cần thiết;

c) Phối hợp với các bộ phận liên quan để thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đạt hiệu quả cao;

d) Kiểm tra công việc thuộc chức năng quản lý theo quy định của pháp luật thuế;

đ) Báo cáo kịp thời những diễn biến phức tạp trong công tác thu thuế, thu nợ tiền thuế và thu khác của người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý để cấp có thẩm quyền chỉ đạo, điều hành và xử lý theo pháp luật thuế.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được những nội dung cơ bản của pháp luật về thuế, chiến lược phát triển của ngành thuế, chủ trương thực hiện cải cách hành chính của Nhà nước và của ngành;

b) Nắm chắc nguyên tắc, thủ tục, quy trình nghiệp vụ quản lý thuế thuộc phần việc được giao;

c) Nắm được những vấn đề cơ bản về kinh tế xã hội, những biến động về giá cả có tác động đến tình hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của đối tượng quản lý thuế phạm vi quản lý được phân công;

d) Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về thuế, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đạt hiệu quả; có kỹ năng lập kế hoạch và kiểm tra; phối hợp trong công tác; đọc hiểu, soạn thảo văn bản hành chính thông thường và kỹ năng tổng hợp, phân tích đánh giá phần hành công việc được giao quản lý.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kiểm tra viên trung cấp thuế;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

5. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên trung cấp thuế đang giữ ngạch nhân viên thuế phải có thời gian giữ ngạch nhân viên thuế hoặc tương đương tối thiểu là 3 năm (đủ 36 tháng).

Điều 13. Nhân viên thuế (mã số 06.040)

1. Chức trách

Nhân viên thuế là công chức chuyên môn nghiệp vụ ngành thuế; trực tiếp thực hiện một phần hành công việc thuộc nghiệp vụ quản lý thuế theo sự phân công của đơn vị.

2. Nhiệm vụ

a) Tham gia xây dựng kế hoạch công việc tháng, quý, năm và kế hoạch thu thuế và thu khác của đơn vị thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ:

- Xác định các đối tượng nộp thuế thuộc phạm vi quản lý để có biện pháp quản lý phù hợp theo quy định của pháp luật thuế;

- Hướng dẫn đối tượng nộp thuế thực hiện việc đăng ký thuế, khai thuế, cấp mã số thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ thuế. Đồng thời giải thích cho đối tượng nộp thuế hiểu rõ chính sách thuế thuộc phần hành quản lý;

- Tiếp nhận tờ khai đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, kiểm tra xác định tính đúng đắn, chính xác căn cứ tính thuế để có nhận xét chính thức vào tờ khai nộp thuế của đối tượng nộp thuế;

- Tính thuế, lập sổ bộ thuế, phát hành thông báo nộp thuế, lệnh thu thuế, nộp phạt tiền thuế;

- Theo dõi đơn đốc để thu đúng, thu đủ, kịp thời số tiền thuế vào Kho bạc Nhà nước;

- Thực hiện kiểm tra về nghĩa vụ nộp thuế của đối tượng nộp thuế trong phạm vi quản lý, lập biên bản trường hợp vi phạm chính sách thuế để trình cấp có thẩm quyền xử lý;

c) Phối hợp với đồng nghiệp, cơ quan liên quan để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế;

d) Quản lý hồ sơ tài liệu thuộc phần hành quản lý theo quy định hiện hành;

đ) Chịu sự hướng dẫn quản lý về chuyên môn nghiệp vụ của công chức chuyên môn ngạch cao hơn và của cấp trên.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được tình hình kinh tế xã hội ở địa bàn thuộc phạm vi quản lý để triển khai thực hiện;

b) Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý thuế;

c) Nắm được kiến thức thuế, pháp luật thuế, pháp luật về hành chính;

d) Nắm được mục đích, nội dung, quy trình nghiệp vụ quản lý thuế áp dụng cho các đối tượng nộp thuế thuộc phạm vi quản lý;

đ) Nắm được nguyên tắc, phương pháp lập và quản lý sổ bộ thuế;

e) Có kỹ năng đọc hiểu và soạn thảo văn bản hành chính thông thường và sử dụng phần mềm máy tính quản lý thuế và các công cụ hỗ trợ khác;

g) Có kỹ năng lập kế hoạch và kiểm tra đánh giá công việc.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch nhân viên thuế.

Chương IV

CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ VÀ TIÊU CHUẨN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC CHUYÊN NGÀNH HẢI QUAN

Điều 14. Kiểm tra viên cao cấp hải quan (mã số 08.049)

1. Chức trách

Kiểm tra viên cao cấp hải quan là công chức chuyên môn có yêu cầu nghiệp vụ cao nhất trong lĩnh vực hải quan, bố trí đối với các chức danh lãnh đạo cấp Tổng cục, cấp Vụ, Cục và tương đương, lãnh đạo Cục hải quan tỉnh, thành phố giúp lãnh đạo thực hiện chỉ đạo, tổ chức triển khai và trực tiếp thực thi pháp luật về hải quan theo quy định của Luật Hải quan với quy mô lớn, độ phức tạp cao, tiến hành trong phạm vi nhiều tỉnh hoặc toàn quốc.

2. Nhiệm vụ

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hải quan đối với đối tượng có phức tạp về quy mô và tính chất, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực về kinh tế, xã hội, an ninh và đối ngoại;

b) Chủ trì đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các chế độ, chính sách, các quy định trong quản lý nhà nước về hải quan;

c) Tổng hợp, phân tích, đánh giá hoạt động nghiệp vụ hải quan và các hoạt động khác có liên quan đến nghiệp vụ hải quan;

d) Chủ trì chuẩn bị nội dung tổng kết về nghiệp vụ hải quan ở trong nước và trao đổi nghiệp vụ hải quan với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có quan hệ hợp tác về hải quan với Việt Nam;

đ) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về hải quan; tổ chức xây dựng, bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ hải quan; biên soạn tài liệu, giáo trình nghiệp vụ về hải quan và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức, viên chức hải quan.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật kinh tế, tài chính, các chính sách chế độ của Nhà nước liên quan đến công tác Hải quan và luật pháp quốc tế liên quan đến nghiệp vụ hải quan;

b) Có kiến thức toàn diện về chuyên môn nghiệp vụ hải quan. Có năng lực nghiên cứu chuyên sâu và tổ chức thực hiện một hoặc một số lĩnh vực nghiệp vụ hải quan;

c) Có khả năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, đánh giá và dự báo tình hình về hoạt động quản lý nhà nước về hải quan, đồng thời đề xuất xây dựng, bổ sung, sửa đổi các quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ hải quan phù hợp với định hướng chiến lược phát triển ngành Hải quan;

d) Có năng lực đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách, chủ trì xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, đề án gắn với lĩnh vực hải quan để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

đ) Có năng lực nghiên cứu khoa học; có năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến và nâng cao chất lượng, hiệu quả trong lĩnh vực hải quan.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc cử nhân chính trị hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận tương đương cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền;

c) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kiểm tra viên cao cấp hải quan;

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

đ) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

5. Đối với công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp hải quan thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3, 4 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trong thời gian giữ ngạch kiểm tra viên chính hải quan hoặc tương đương đã chủ trì xây dựng ít nhất 02 (hai) văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh trong lĩnh vực tài chính, hải quan; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu, cụ thể như sau:

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản mà theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không bắt buộc phải thành lập Ban soạn thảo thì phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng của người có thẩm quyền.

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt.

b) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác hải quan. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp hải quan phải đang giữ ngạch kiểm tra viên chính hải quan và có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên chính hải quan hoặc tương đương từ đủ 6 năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kiểm tra viên chính hải quan tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng).

Điều 15. Kiểm tra viên chính hải quan (mã số 08.050)

1. Chức trách

Kiểm tra viên chính hải quan là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành hải quan ở cấp Chi cục và tương đương trở lên, giúp lãnh đạo chủ trì, tổ chức và thực thi pháp luật về hải quan theo quy định của Luật Hải quan tại các đơn vị trong ngành Hải quan.

2. Nhiệm vụ

a) Tổ chức thực hiện quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ hải quan; trực tiếp xử lý đối với các trường hợp có tình tiết phức tạp;

b) Tổng hợp, đánh giá công tác nghiệp vụ đồng thời đề xuất sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ phù hợp với tình hình thực tế;

c) Tham gia xây dựng quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ hải quan và các văn bản, quy định liên quan;

d) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình nghiệp vụ của ngành hải quan, tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức, viên chức hải quan;

đ) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng đề tài, đề án, dự án được ứng dụng vào công tác của ngành; chủ trì hoặc tham gia tổ chức nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực nghiệp vụ hải quan.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác hải quan; nắm được chương trình cải cách hành chính của Chính phủ, của ngành Tài chính;

b) Nắm vững các nguyên tắc, chế độ, quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ hải quan và có khả năng tổ chức thực hiện quy trình nghiệp vụ hải quan thuộc lĩnh vực chuyên sâu;

c) Chủ trì, tổ chức xây dựng hoàn thiện thể chế; chủ trì xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện; xây dựng các đề án, dự án đối với nghiệp vụ hải quan;

d) Có khả năng nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất xây dựng, bổ sung, sửa đổi một số quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ hải quan;

đ) Có kỹ năng thu thập thông tin và xử lý thông tin; có khả năng quản lý và tổ chức điều hành trong lĩnh vực hải quan.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kiểm tra viên chính hải quan;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày

24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

5. Đối với công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên chính hải quan thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3, 4 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trong thời gian giữ ngạch kiểm tra viên hải quan hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện trong lĩnh vực tài chính, hải quan; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu, cụ thể như sau:

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập văn bản quy phạm pháp luật và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản mà theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không bắt buộc phải thành lập Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập thì phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia xây dựng của người có thẩm quyền.

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo hoặc Tổ giúp việc, Tổ biên tập, Tổ biên soạn đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt.

b) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác hải quan. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên chính hải quan phải đang giữ ngạch kiểm tra viên hải quan và có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên hải quan hoặc tương đương từ đủ 9 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kiểm tra viên hải quan tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng).

Điều 16. Kiểm tra viên hải quan (mã số 08.051)

1. Chức trách

Kiểm tra viên hải quan là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành hải quan, trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong các quy chế quản lý, trong các quy trình nghiệp vụ hải quan theo sự phân công của lãnh đạo.

2. Nhiệm vụ

a) Thực hiện quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; hành khách, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật;

b) Áp dụng các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật để điều tra, thu thập, xử lý thông tin đấu tranh phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

c) Đề xuất ý kiến với lãnh đạo giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực hiện quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ hải quan.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác hải quan; nắm được chương trình cải cách hành chính của Chính phủ, của ngành Tài chính;

b) Nắm chắc và vận dụng linh hoạt các nguyên tắc, chế độ, quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ hải quan và có khả năng nghiên cứu, đề xuất triển khai hoặc bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ hải quan trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

c) Có khả năng tiếp thu, nắm bắt các kỹ năng cần thiết cho công tác chuyên môn như: kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật được trang bị.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kiểm tra viên hải quan;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

5. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên hải quan hiện đang giữ ngạch kiểm tra viên trung cấp hải quan phải có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên trung cấp hải quan hoặc tương đương tối thiểu là 3 năm (đủ 36 tháng), trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kiểm tra viên trung cấp hải quan tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng). Trường hợp đang giữ ngạch nhân viên hải quan thì phải có thời gian giữ ngạch nhân viên hải quan hoặc tương đương tối thiểu là 5 năm (đủ 60 tháng).

Điều 17. Kiểm tra viên trung cấp hải quan (mã số 08.052)

1. Chức trách

Kiểm tra viên trung cấp hải quan là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành hải quan, được lãnh đạo giao trực tiếp thực hiện một số công việc thuộc lĩnh vực nghiệp vụ công tác hải quan.

2. Nhiệm vụ

a) Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh;

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công và chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Hiểu được chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác hải quan; nắm được các thủ tục hành chính và chương trình cải cách hành chính của Chính phủ và của ngành;

b) Nắm vững quy trình nghiệp vụ hải quan trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

c) Có khả năng tiếp thu, nắm bắt các kỹ năng cần thiết cho công tác: kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật được trang bị.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kiểm tra viên trung cấp hải quan;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

5. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên trung cấp hải quan đang giữ ngạch nhân viên hải quan phải có thời gian giữ ngạch nhân viên hải quan hoặc tương đương tối thiểu là 3 năm (đủ 36 tháng).

Điều 18. Nhân viên hải quan (mã số 08.053)

1. Chức trách

Nhân viên hải quan là công chức thừa hành ở các đơn vị hải quan cơ sở và trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ cụ thể thuộc chuyên môn nghiệp vụ hải quan do lãnh đạo phân công.

2. Nhiệm vụ

a) Thực hiện việc giám sát hải quan theo quy định của pháp luật trên địa bàn được phân công;

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công và chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được các quy trình nghiệp vụ hải quan và quy định liên quan đến nhiệm vụ được giao. Tuyệt đối chấp hành sự chỉ đạo về nghiệp vụ và phân công nhiệm vụ của cấp trên;

b) Có năng lực thực hiện một số lĩnh vực nghiệp vụ hải quan đơn giản được giao;

c) Sử dụng được công cụ hỗ trợ và phương tiện kỹ thuật được trang bị.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch nhân viên hải quan.

Chương V

CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ VÀ TIÊU CHUẨN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC CHUYÊN NGÀNH DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 19. Kỹ thuật viên bảo quản chính (mã số 19.220)

1. Chức trách

Kỹ thuật viên bảo quản chính là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành dự trữ quốc gia; giúp lãnh đạo chủ trì, tổ chức thực hiện pháp luật về quản lý chất lượng, bảo quản hàng dự trữ quốc gia, định mức kinh tế kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia; triển khai kỹ thuật và công nghệ bảo quản để bảo đảm an toàn chất lượng hàng dự trữ quốc gia do đơn vị quản lý.

2. Nhiệm vụ

a) Tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, quy định, quy trình kỹ thuật, quy chế quản lý chất lượng, quản lý công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia, quản lý định mức kinh tế kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia; trực tiếp xử lý đối với các trường hợp có yêu cầu kỹ thuật phức tạp và chịu trách nhiệm cá nhân về các chỉ số chất lượng đối với hàng hóa dự trữ quốc gia trực tiếp kiểm tra, theo dõi và thiết bị được giao quản lý;

b) Tham gia tổng hợp, đánh giá công tác nghiệp vụ, đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy trình kỹ thuật, quy chế quản lý, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia;

c) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng đề tài, đề án, dự án được ứng dụng vào công tác của ngành; chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, triển khai kỹ thuật và công nghệ bảo quản mới để bảo đảm an toàn chất lượng hàng dự trữ quốc gia;

d) Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nghiệp vụ công tác bảo quản, quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia của các Chi cục Dự trữ Nhà nước trước khi nhập, xuất kho và quá trình hàng hóa lưu kho theo quy định;

đ) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình nghiệp vụ của ngành dự trữ, tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức, viên chức.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác dự trữ quốc gia; nắm được chương trình cải cách hành chính của Chính phủ, của ngành Tài chính;

b) Nắm vững các nguyên tắc, chế độ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chế quản lý chất lượng, quản lý công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu;

c) Có chuyên môn sâu về nghiệp vụ bảo quản hàng dự trữ quốc gia; có kỹ năng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dự trữ quốc gia;

d) Tổ chức hướng dẫn, thực hiện chế độ, chính sách, các quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực dự trữ quốc gia; tổ chức phối hợp, tổ chức kiểm tra, tổng kết thực thi chính sách trong lĩnh vực dự trữ quốc gia;

đ) Có khả năng nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất xây dựng, bổ sung, sửa đổi một số quy trình kỹ thuật, quy chế quản lý chất lượng, quản lý công tác bảo quản định mức kinh tế kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kỹ thuật viên bảo quản chính;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

5. Đối với công chức dự thi nâng ngạch kỹ thuật viên bảo quản chính thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3, 4 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trong thời gian giữ ngạch kỹ thuật viên bảo quản đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện trong lĩnh vực tài chính, dự trữ nhà nước; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu, cụ thể như sau:

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập văn bản quy phạm pháp luật và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản mà theo quy định của Luật Ban

hành văn bản quy phạm pháp luật không bắt buộc phải thành lập Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập thì phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia xây dựng của người có thẩm quyền.

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo hoặc Tổ giúp việc, Tổ biên tập, Tổ biên soạn đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt.

b) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác dự trữ. Công chức dự thi nâng ngạch kỹ thuật viên bảo quản chính phải đang giữ ngạch kỹ thuật viên bảo quản và có thời gian giữ ngạch kỹ thuật viên bảo quản hoặc tương đương từ đủ 9 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kỹ thuật viên bảo quản tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng).

Điều 20. Kỹ thuật viên bảo quản (mã số 19.221)

1. Chức trách

Kỹ thuật viên bảo quản là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành dự trữ quốc gia; trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật; quy định, quy trình kỹ thuật; quy chế quản lý chất lượng, quản lý công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và công nghệ bảo quản để bảo đảm an toàn chất lượng hàng dự trữ quốc gia theo sự phân công của lãnh đạo.

2. Nhiệm vụ

a) Thực hiện các quy định, quy trình kỹ thuật bảo quản, nội dung định mức kinh tế kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị;

b) Thực hiện kiểm tra công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định chung của Nhà nước;

c) Thực hiện công tác kiểm nghiệm, phân tích, xử lý các số liệu điều tra chọn mẫu, quản lý tiêu chuẩn chất lượng đối với hàng dự trữ quốc gia trước khi nhập, xuất kho và quá trình hàng hóa lưu kho theo quy định;

d) Tham gia nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật, công nghệ để không ngừng nâng cao hiệu quả bảo quản hàng dự trữ quốc gia; tham gia nghiên cứu hoặc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia;

đ) Xác định các chỉ số chất lượng đối với hàng hóa dự trữ quốc gia được phân công trực tiếp kiểm tra, theo dõi và các trang thiết bị được giao trực tiếp quản lý.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của pháp luật, chế độ chính sách liên quan đến công tác dự trữ quốc gia; chương trình cải cách của Chính phủ, của ngành dự trữ;

b) Nắm vững và vận dụng các nguyên tắc, chế độ, quy trình kỹ thuật, quy chế quản lý chất lượng, quản lý công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia;

c) Sử dụng phương tiện kỹ thuật được giao và thực hiện các công việc liên quan đến kiểm nghiệm, phân tích xử lý và quản lý tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia trong quá trình nhập, xuất và lưu kho theo quy định;

d) Có khả năng nghiên cứu, đề xuất các giải pháp liên quan đến quy trình, quy phạm và kỹ thuật công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kỹ thuật viên bảo quản;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

5. Công chức dự thi nâng ngạch kỹ thuật viên bảo quản hiện đang giữ ngạch kỹ thuật viên bảo quản trung cấp phải có thời gian giữ ngạch kỹ thuật viên bảo quản trung cấp hoặc tương đương tối thiểu là 3 năm (đủ 36 tháng), trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kỹ thuật viên bảo quản trung cấp tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng).

Điều 21. Kỹ thuật viên bảo quản trung cấp (mã số 19.222)

1. Chức trách

Kỹ thuật viên bảo quản trung cấp là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành dự trữ quốc gia, được lãnh đạo giao trực tiếp thực hiện một số công việc thuộc lĩnh vực quản lý chất lượng, bảo quản và quản lý định mức kinh tế kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia theo quy trình kỹ thuật quy định.

2. Nhiệm vụ

a) Trực tiếp thực hiện nghiệp vụ kỹ thuật và nghiệm thu công tác chuẩn bị kho, phương tiện giao nhận, thiết bị kiểm tra, đo lường để phục vụ công tác nhập, xuất hàng hóa dự trữ theo phân công của lãnh đạo;

b) Trực tiếp thực hiện nghiệp vụ kiểm tra, giám sát chất lượng hàng hóa dự trữ quốc gia trước khi nhập, xuất kho bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật theo quy định; trực tiếp lấy mẫu, phân tích mẫu, lập hồ sơ kỹ thuật và báo cáo theo đúng quy định;

c) Trực tiếp kiểm tra, giám sát và hướng dẫn công tác bảo quản và theo dõi chất lượng hàng dự trữ quốc gia trong Chi cục; hướng dẫn việc ghi chép nhật ký

bảo quản của các thủ kho; báo cáo, đề xuất phương án xử lý kịp thời các sự cố xảy ra đối với hàng hóa trong quá trình bảo quản;

d) Xác định các chỉ số chất lượng đối với hàng hóa dự trữ quốc gia được phân công trực tiếp kiểm tra, theo dõi và các trang thiết bị được giao trực tiếp quản lý.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của pháp luật, chế độ chính sách liên quan đến công tác dự trữ quốc gia; chương trình cải cách của Chính phủ, của ngành dự trữ;

b) Có khả năng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát bảo quản và theo dõi chất lượng hàng dự trữ;

c) Có khả năng sử dụng thành thạo các trang thiết bị kỹ thuật được trang bị;

d) Có khả năng xử lý một số hiện tượng thường xảy ra trong quá trình bảo quản, ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa.

4. Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kỹ thuật viên bảo quản trung cấp;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

Điều 22. Thủ kho bảo quản (mã số 19.223)

1. Chức trách

Thủ kho bảo quản là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành dự trữ, trực tiếp thực hiện quy trình, kỹ thuật bảo quản để giữ gìn, bảo quản hàng dự trữ quốc gia; chịu trách nhiệm toàn bộ về số lượng và chất lượng hàng dự trữ quốc gia được giao quản lý.

2. Nhiệm vụ

a) Thực hiện công tác chuẩn bị kho và các dụng cụ, phương tiện cần thiết trước khi đưa hàng vào dự trữ theo quy định;

b) Trực tiếp thực hiện việc kiểm tra ban đầu khi giao nhận hàng nhập, xuất kho theo đúng tiêu chuẩn chất lượng; đúng số lượng theo phiếu nhập, xuất và các trình tự, thủ tục quy định;

c) Thực hiện bảo quản thường xuyên, định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật bảo quản. Trong quá trình bảo quản hàng hóa, nếu có sự cố bất thường hoặc phát hiện những hiện tượng phát sinh làm ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa phải chủ động xử lý, đồng thời báo cáo lãnh đạo để có biện pháp giải quyết kịp thời;

d) Lập hồ sơ chứng từ ban đầu, cập nhật nhật ký theo dõi hàng hóa cho từng kho hoặc ngăn kho hàng;

đ) Quản lý theo dõi về toàn bộ hàng hóa dự trữ, các tài sản, trang thiết bị được đơn vị giao cho trực tiếp quản lý.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nhận biết, kiểm tra và xác định được chủng loại hàng nhập, xuất về tiêu chuẩn, chất lượng, số lượng theo đúng trình tự, thủ tục quy định;

b) Có năng lực thực hiện việc bảo quản thường xuyên, định kỳ đúng quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, quy định kỹ thuật bảo quản;

c) Nắm vững và có kỹ năng sử dụng thành thạo các thiết bị kỹ thuật, thiết bị đo lường phục vụ cho quá trình giao, nhận, bảo quản hàng dự trữ quốc gia;

d) Có năng lực lập hồ sơ, ghi chép sổ sách rõ ràng, mạch lạc đối với việc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quy định của Nhà nước.

4. Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, đào tạo

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với chuyên ngành kinh tế hoặc kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch thủ kho bảo quản;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

5. Công chức dự thi nâng ngạch thủ kho bảo quản dự trữ đang giữ ngạch nhân viên bảo vệ kho dự trữ phải có thời gian giữ ngạch nhân viên bảo vệ kho dự trữ hoặc tương đương tối thiểu là 3 năm (đủ 36 tháng).

Điều 23. Nhân viên bảo vệ kho dự trữ (mã số 19.224)

1. Chức trách

Nhân viên bảo vệ kho dự trữ là công chức nhà nước có trách nhiệm tuần tra canh gác, bảo vệ trong khu vực kho dự trữ quốc gia và bảo đảm an toàn hàng dự trữ quốc gia theo quy định.

2. Nhiệm vụ

a) Giám sát các hoạt động nhập, xuất hàng hóa; hướng dẫn, kiểm tra người, phương tiện ra vào khu vực kho dự trữ theo quy định (kiểm tra giấy tờ, phiếu xuất, nhập kho và vào sổ theo dõi);

b) Thực hiện công tác tuần tra canh gác trong khu vực kho hàng thuộc phạm vi quản lý trong ca trực theo quy chế bảo vệ của cơ quan; bảo đảm giữ gìn an toàn kho tàng, hàng hóa dự trữ quốc gia;

c) Lập biên bản, tổ chức bảo vệ hiện trường theo quy định khi có vi phạm an toàn, an ninh trật tự trong khu vực kho tàng; báo cáo kịp thời lên cấp trên và các cơ quan chức năng để xử lý;

d) Tham gia xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy, phòng chống lụt bão ở khu vực kho thuộc phạm vi quản lý. Phối hợp với công an khu vực, các cơ quan lân cận, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện các phương án theo quy định;

đ) Giữ gìn bí mật và thực hiện tốt quy chế bảo mật về tài sản, hàng hóa dự trữ quốc gia.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có khả năng thực hiện chức năng giám sát các hoạt động nhập, xuất hàng hóa chính xác theo đúng quy định của cơ quan và Nhà nước;

b) Có năng lực ghi chép vào sổ theo dõi cụ thể, rõ ràng, chính xác người và phương tiện ra vào kho;

c) Biết sử dụng thành thạo các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, phòng, chống bão lụt đã được trang bị.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học;

b) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch nhân viên bảo vệ kho dự trữ;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp công chức không có bằng tốt nghiệp chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán nhưng đã được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm vào ngạch kế toán viên, kế toán viên chính trước ngày 01 tháng 01 năm 2014 thì vẫn tiếp tục được làm kế toán theo quy định tại khoản 7 Điều 18 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán và tiếp tục giữ ngạch đã được bổ nhiệm; trường hợp thi nâng ngạch cao hơn phải thỏa mãn các điều kiện quy định tại Thông tư này.

2. Công chức hiện đang giữ ngạch kế toán viên cao đẳng (mã số 06a.031), kiểm tra viên cao đẳng thuế (mã số 06a.038), kiểm tra viên cao đẳng hải quan (mã số 08a.051) trước đây được thực hiện việc chuyển xếp vào ngạch mới như sau:

a) Cơ quan quản lý công chức có trách nhiệm xây dựng đề án và tổ chức thực hiện thi nâng ngạch từ ngạch kế toán viên cao đẳng, kiểm tra viên cao đẳng thuế, kiểm tra viên cao đẳng hải quan lên ngạch kế toán viên, kiểm tra viên thuế, kiểm tra viên hải quan (nếu có) đối với các trường hợp đáp ứng các tiêu chuẩn của ngạch kế toán viên, kiểm tra viên thuế, kiểm tra viên hải quan, trừ điều kiện về thời gian giữ ngạch quy định tại khoản 5 Điều 7, khoản 5 Điều 11, khoản 5 Điều 16 Thông tư này;

b) Các công chức hiện đang giữ ngạch kế toán viên cao đẳng (mã số 06a.031), kiểm tra viên cao đẳng thuế (mã số 06a.038), kiểm tra viên cao đẳng hải quan (mã số 08a.051) được xếp tương ứng vào ngạch kế toán viên trung cấp (mã số 06.032), kiểm tra viên trung cấp thuế (mã số 06.039), kiểm tra viên trung cấp hải quan (mã số 08.052) và tiếp tục được xếp lương theo ngạch hiện hưởng (công chức loại A0) cho đến khi xếp ngạch mới theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Thực hiện việc chuyển xếp ngạch mới đối với công chức hiện đang giữ ngạch kế toán viên sơ cấp (mã số 06.033) trước ngày Thông tư này có hiệu lực như sau:

a) Công chức có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên, đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện của ngạch kế toán viên trung cấp thì cơ quan sử dụng công chức báo cáo cơ quan quản lý công chức để xem xét, quyết định bổ nhiệm vào ngạch kế toán viên trung cấp (mã số 06.032). Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện của ngạch kế toán viên, khi dự thi nâng ngạch lên ngạch kế toán viên được miễn điều kiện về thời gian giữ ngạch quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này;

b) Công chức hiện đang giữ ngạch kế toán viên sơ cấp (mã số 06.033), chưa có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên thì tiếp tục hưởng theo hệ số lương hiện hưởng trong thời hạn 06 năm kể từ ngày Thông tư có hiệu lực. Trong thời hạn 06 năm kể từ ngày Thông tư có hiệu lực, cơ quan sử dụng công chức có trách nhiệm bố trí công chức đi đào tạo để đáp ứng tiêu chuẩn của các ngạch công chức chuyên ngành kế toán theo quy định tại Thông tư này, cụ thể như sau:

- Đối với trường hợp công chức có tuổi đời dưới 55 tuổi đối với nam và dưới 50 tuổi đối với nữ, cơ quan sử dụng công chức phải bố trí cho công chức đi đào tạo để đáp ứng tiêu chuẩn của ngạch công chức kế toán viên trung cấp trở lên. Trường hợp công chức được cử đi đào tạo, sau khi tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên thì thực hiện bổ nhiệm vào ngạch mới theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này. Trường hợp công chức được cử đi học mà không tham gia học tập hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu thì cơ quan sử dụng công chức báo cáo cơ quan quản lý công chức thực hiện tinh giản biên chế.

- Đối với trường hợp công chức có tuổi đời từ đủ 55 trở lên đối với nam và từ đủ 50 trở lên đối với nữ khi không có nhu cầu hoặc không được cử đi đào tạo được bảo lưu chế độ, chính sách của ngạch kế toán viên sơ cấp cho đến tuổi nghỉ hưu.

4. Các cơ quan quản lý, sử dụng công chức không thực hiện việc tuyển dụng công chức ngạch kế toán viên sơ cấp, không thực hiện chuyển ngạch công chức sang ngạch kế toán viên sơ cấp kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 25. Cách xếp lương

Các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ quy định tại Thông tư này được áp dụng Bảng lương chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước (Bảng 2) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và được sửa đổi tại Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ như sau:

1. Ngạch kiểm tra viên cao cấp thuế, kiểm tra viên cao cấp hải quan được áp dụng hệ số lương công chức loại A3, nhóm A3.1. Ngạch kế toán viên cao cấp được áp dụng hệ số lương công chức loại A3, nhóm A3.2.

2. Ngạch kiểm tra viên chính thuế, kiểm tra viên chính hải quan, kỹ thuật viên bảo quản chính được áp dụng hệ số lương công chức loại A2, nhóm A2.1; Ngạch kế toán viên chính được áp dụng hệ số lương công chức loại A2, nhóm A2.2.

3. Ngạch kế toán viên, kiểm tra viên thuế, kiểm tra viên hải quan, kỹ thuật viên bảo quản được áp dụng hệ số lương công chức loại A1.

4. Ngạch kế toán viên trung cấp, kiểm tra viên trung cấp thuế, kiểm tra viên trung cấp hải quan, kỹ thuật viên bảo quản trung cấp, thủ kho bảo quản (mới) được áp dụng hệ số lương công chức loại A0. Công chức hiện đang xếp ngạch kế toán viên trung cấp, kiểm tra viên trung cấp thuế, kiểm tra viên trung cấp hải quan, kỹ thuật viên bảo quản trung cấp, thủ kho bảo quản nếu tốt nghiệp trình độ cao đẳng phù hợp với vị trí công việc đang làm, hiện đang xếp lương theo công chức loại B ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP thì được xếp lại lương sang công chức loại A0 theo hướng dẫn tại khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Trường hợp chưa có bằng tốt nghiệp cao đẳng phù hợp với vị trí công việc đang làm và đang xếp lương theo công chức loại B thì tiếp tục xếp lương theo công chức loại B đó trong thời hạn 6 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực. Trong thời hạn 06 năm này, cơ quan sử dụng công chức phải bố trí cho công chức học tập nâng cao trình độ để đủ tiêu chuẩn của ngạch kế toán viên trung cấp, kiểm tra viên trung cấp thuế, kiểm tra viên trung cấp hải quan, kỹ thuật viên bảo quản trung cấp, thủ kho bảo quản (mới); khi công chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện ở ngạch kế toán viên trung cấp, kiểm tra viên trung cấp thuế, kiểm tra viên trung cấp hải quan, kỹ thuật viên bảo quản trung cấp, thủ kho bảo quản (mới) thì được xếp lương theo công chức loại A0.

Trường hợp công chức được cử đi học tập nâng cao trình độ mà không tham gia học tập hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu thì cơ quan sử dụng

công chức báo cáo cơ quan quản lý công chức xem xét bố trí lại công việc cho phù hợp với trình độ đào tạo hoặc thực hiện tinh giản biên chế.

5. Ngạch nhân viên hải quan, nhân viên thuế (mới) được áp dụng hệ số lương công chức loại B. Công chức hiện đang xếp ngạch nhân viên hải quan, nhân viên thuế nếu tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên phù hợp với vị trí công việc đang làm, hiện đang xếp lương theo công chức loại C (nhóm C1, C2) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP thì được xếp lại lương sang công chức loại B theo hướng dẫn tại khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Trường hợp chưa có bằng tốt nghiệp trung cấp phù hợp với vị trí công việc đang làm và đang xếp lương theo công chức loại C (nhóm C1, C2) thì tiếp tục xếp lương theo công chức loại C đó trong thời hạn 6 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực. Trong thời hạn 06 năm này, cơ quan sử dụng công chức phải bố trí cho công chức học tập nâng cao trình độ để đủ tiêu chuẩn của ngạch nhân viên thuế, nhân viên hải quan (mới); khi công chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện ở ngạch nhân viên thuế, nhân viên hải quan thì được xếp lương theo công chức loại B.

Trường hợp công chức được cử đi học tập nâng cao trình độ mà không tham gia học tập hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu thì cơ quan sử dụng công chức báo cáo cơ quan quản lý công chức xem xét bố trí lại công việc cho phù hợp với trình độ đào tạo hoặc thực hiện tinh giản biên chế.

6. Ngạch Nhân viên bảo vệ kho dự trữ được áp dụng hệ số lương công chức loại C, nhóm C1.

Điều 26. Việc tổ chức thi nâng ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ; thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kế toán

1. Đối với việc thi nâng ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ được thực hiện như sau:

a) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ tổ chức thi nâng ngạch công chức các ngạch Kế toán viên cao cấp, Kiểm tra viên cao cấp Thuế, Kiểm tra viên cao cấp Hải quan.

Bộ Tài chính chủ trì tổ chức thi nâng ngạch công chức lên ngạch Kế toán viên chính (đối với công chức do Bộ Tài chính quản lý), Kiểm tra viên chính Thuế, Kiểm tra viên chính Hải quan, Kỹ thuật viên bảo quản chính sau khi có ý kiến về nội dung đề án và chỉ tiêu nâng ngạch của Bộ Nội vụ.

Bộ Tài chính chủ trì tổ chức thi nâng ngạch công chức lên ngạch Kế toán viên (đối với công chức do Bộ Tài chính quản lý), Kiểm tra viên Thuế, Kiểm tra viên Hải quan, Kỹ thuật viên bảo quản, Kiểm tra viên trung cấp Thuế, Kiểm tra viên trung cấp Hải quan, Thủ kho bảo quản, sau khi có ý kiến về chỉ tiêu nâng ngạch của Bộ Nội vụ.

b) Cơ quan quản lý công chức theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP chủ trì tổ chức thi nâng ngạch công chức lên ngạch Kế toán viên chính sau khi có ý kiến về nội dung đề án và chỉ tiêu nâng ngạch của Bộ Nội vụ.

Cơ quan quản lý công chức theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP chủ trì tổ chức thi nâng ngạch công chức lên ngạch Kế toán viên sau khi có ý kiến về chỉ tiêu nâng ngạch của Bộ Nội vụ.

2. Đối với việc thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kế toán được thực hiện như sau:

a) Bộ Tài chính chủ trì tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức kế toán lên kế toán viên cao cấp sau khi có ý kiến của Bộ Nội Vụ về nội dung đề án;

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức kế toán lên kế toán viên chính sau khi có ý kiến của Bộ Nội Vụ về nội dung đề án.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức hoặc phân cấp ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức kế toán lên Kế toán viên theo quy định của pháp luật.

3. Nội quy, quy chế thi nâng ngạch công chức được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Nội quy, quy chế thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

2. Viên chức làm công tác kế toán trong các đơn vị sự nghiệp công lập được áp dụng các quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và cách xếp lương của các ngạch công chức chuyên ngành kế toán quy định tại Thông tư này để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của TW Đảng;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TC các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCCB. (1006)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn